

Số: 110 /BCTD-BTP

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2022

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
ĐẾN	Số:.....
Ngày: 12/7/2022	
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự án Luật Giao dịch điện tử

Kính gửi:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Văn phòng Chính phủ.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ) và theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 2449/BTTTT-QLDN ngày 23/6/2022, trên cơ sở nghiên cứu Hồ sơ gửi thẩm định và kết quả cuộc họp ngày 06/7/2022 của Hội đồng thẩm định (được thành lập theo Quyết định số 1462/QĐ-BTP ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp), Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự án Luật Giao dịch điện tử (gọi chung là dự án Luật) như sau:

I. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT

1. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với mục đích, yêu cầu đã được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật

Nội dung của dự thảo Luật phù hợp với mục đích, yêu cầu được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý một số vấn đề sau:

- Thể hiện rõ ràng, sâu sắc hơn mục đích, quan điểm nêu trong Tờ trình Chính phủ; nghiên cứu bổ sung mục đích: Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, thuận lợi để thúc đẩy sự phát triển giao dịch điện tử trong bối cảnh chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

- Một số nội dung đang bị lẩn giấu giữa yêu cầu với quan điểm (Ví dụ: kế thừa các quy định hiện còn giá trị tại Luật GDĐT năm 2005); có nội dung bị trùng

lặp giữa mục đích với quan điểm (Ví dụ: thê chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng); có nội dung không phải là quan điểm (Ví dụ: mở rộng phạm vi điều chỉnh các giao dịch thương mại, dân sự, kinh tế...)

2. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với phạm vi điều chỉnh, chính sách đã được thông qua trong đề nghị xây dựng Luật

Ngày 03/12/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 152/NQ-CP thông qua đề nghị xây dựng Luật Giao dịch điện tử (sửa đổi). Về cơ bản, nội dung dự thảo Luật phù hợp với phạm vi điều chỉnh và các chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 152/NQ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý một số vấn đề sau:

2.1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

- Để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tính khả thi của dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo:

+ Chính lý Điều 1 dự thảo Luật để làm rõ Luật này không quy định về nội dung, điều kiện, hình thức của giao dịch mà chỉ quy định về cách thức xác lập, thực hiện các giao dịch thông qua phương tiện điện tử; giá trị pháp lý của giao dịch được xác lập, thực hiện thông qua phương tiện điện tử, của thông điệp dữ liệu, của chứng thư điện tử, của chữ ký điện tử; dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử; giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước; quản lý cơ sở dữ liệu... để bảo đảm dự thảo Luật không chồng chéo, mâu thuẫn với các luật khác có quy định về giao dịch (Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Đất đai, Luật Nhà ở...)

+ Cân nhắc quy định một số giao dịch không áp dụng Luật này như quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2005 hoặc quy định theo hướng: các giao dịch mà các Luật khác quy định phải được xác lập, thực hiện dưới một hình thức nhất định thì thực hiện theo quy định đó.

- Đối với chính sách 4 có một số nội dung thay đổi so với khi Chính phủ thông qua, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có báo cáo, giải trình rõ.

2.2. Về áp dụng luật (Điều 3)

Dự thảo Luật quy định nguyên tắc áp dụng Luật Giao dịch điện tử chưa rõ ràng và chưa phù hợp với Điều 156 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định để bảo đảm sự thống nhất. Trường hợp cần thiết quy định, đề nghị nghiên cứu cách thức quy định tại Điều 4 của Luật Đầu tư năm 2020, trong đó chỉ rõ nội dung nào áp dụng Luật Giao dịch điện tử, nội dung nào áp dụng luật khác.

II. VỀ SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC; TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Luật với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định rõ hoàn thiện thể chế bảo đảm “*Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số*”. Mục III.2 Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định một số nội dung hoàn thiện thể chế tạo điều kiện cho việc chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số quốc gia là: “*Hoàn thiện pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng; đồng thời ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng... Hoàn thiện pháp luật, chính sách về dữ liệu, quản trị dữ liệu... Xây dựng hành lang pháp lý cho định danh số và xác thực điện tử quốc gia; thiết lập khung định danh số quốc gia*”.

Bộ Tư pháp nhận thấy, nội dung các quy định của dự án Luật cơ bản phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Tuy nhiên, để bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về: thúc đẩy phát triển thương mại điện tử; thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội... bổ sung vào Tờ trình và cụ thể hóa trong dự thảo Luật.

2. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp; tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật

Qua nghiên cứu, Bộ Tư pháp nhận thấy nội dung dự thảo Luật không trái với Hiến pháp năm 2013, cơ bản bảo đảm tính hợp pháp. Tuy nhiên, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát dự thảo Luật với: Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Công nghệ thông tin, Luật Công chứng, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự... và luật khác có liên quan, trong đó lưu ý một số vấn đề

sau đây:

2.1. Rà soát, lược bỏ các nội dung đã được quy định trong các luật khác (nếu không có nội hàm mới khi quy định trong dự thảo Luật) để bảo đảm thống nhất, không trùng lặp, ví dụ: khoản 3 Điều 5 dự thảo Luật đã được quy định tại Điều 3 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 9 dự thảo Luật đã được quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng; khoản 6 Điều 9 dự thảo Luật đã được quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng; khoản 4 Điều 9 dự thảo Luật đã được quy định trong Bộ luật Hình sự; Điều 42 dự thảo Luật đã được quy định tại khoản 1 Điều 119 Bộ luật Dân sự...

2.2. Rà soát, bảo đảm thống nhất với các luật khác, cụ thể:

- Về giải thích từ ngữ (Điều 4 dự thảo Luật): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ nội dung giải thích từ ngữ để bảo đảm chính xác, thống nhất, đầy đủ bởi có nhiều thuật ngữ mang tính nền tảng cho hoạt động chuyển đổi số quốc gia, ví dụ:

+ Khái niệm “giao dịch điện tử” tại khoản 1 không thống nhất với khái niệm “hợp đồng điện tử” tại khoản 10 trong khi hợp đồng điện tử là một dạng của giao dịch điện tử;

+ Khái niệm “*Nền tảng số*” đề nghị bỏ cụm từ “*trực tuyến*” để bảo đảm thống nhất với thuật ngữ “*giao dịch điện tử*”, bỏ cụm từ “*các bên tham gia không cần tự đầu tư, quản lý, vận hành, duy trì hệ thống thông tin*”;

+ “*Chứng thư điện tử*” được giải thích là thông điệp dữ liệu được phát hành bởi cơ quan, tổ chức (khoản 8); tuy nhiên, tại điểm a khoản 4 Điều 15 lại thừa nhận chứng thư điện tử do cá nhân phát hành;

+ “*Chính phủ điện tử*”, “*Chính phủ số*”, “*môi trường số*”, “*công nghệ số*”, “*số hóa*” là các khái niệm cơ bản của giao dịch điện tử, được sử dụng tại dự thảo Luật và một số văn bản quy phạm pháp luật dưới Luật, văn bản điều hành của Chính phủ, tuy nhiên chưa được giải thích tại bất cứ văn bản luật nào. Đề nghị bổ sung giải thích các khái niệm này tại dự thảo Luật;

+ Khoản 17 về “*trao đổi dữ liệu điện tử*” đề nghị chỉnh lý bởi hiện nay việc trao đổi dữ liệu điện tử không chỉ thuần túy từ máy tính sang máy tính mà còn thông qua các thiết bị chuyên dụng về dữ liệu hoặc thông qua điện thoại thông minh.

- Về nội dung quản lý nhà nước (khoản 4 Điều 7), trách nhiệm quản lý nhà nước (khoản 2 Điều 8) chưa rõ ràng, chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý theo hướng Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ quản lý các nội dung mang tính công nghệ, kỹ

thuật của giao dịch điện tử, còn nội dung giao dịch, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến giao dịch điện tử thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu (mục 1 chương II dự thảo Luật):

+ Khoản 1 Điều 11 dự thảo Luật quy định thông tin trong thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu; khoản 2 Điều 11 quy định giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu được xác định căn cứ vào độ tin cậy của cách thức khởi tạo, cách thức bảo đảm... Quy định như này là chưa thực sự rõ ràng, thống nhất và có thể làm ảnh hưởng đến tính khả thi của điều luật.

+ Đề nghị rà soát quy định thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản, bổ sung quy định loại trừ trường hợp pháp luật quy định phải thể hiện bằng văn bản dưới một hình thức nhất định (như công chứng) để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật (với Luật Công chứng).

+ Khoản 1 và khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật quy định chưa bảo đảm thống nhất, rõ ràng và chưa bảo đảm tính khả thi (tương tự như khoản 1, khoản 2 Điều 11), đề nghị nghiên cứu, chỉnh lý. Ngoài ra, đề nghị rà soát quy định tại khoản 1 Điều 14 để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng.

- Dự thảo Luật có nhiều quy định về giá trị pháp lý ở nhiều điều luật khác nhau (Điều 11, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 38...), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc phương án nghiên cứu quy định chung tại một điều luật mang tính nguyên tắc để bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp.

- Về địa điểm gửi, nhận thông điệp dữ liệu (khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 20 dự thảo Luật): Địa điểm gửi, nhận thông điệp dữ liệu có vai trò quan trọng trong việc giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, dự thảo Luật quy định chưa rõ dẫn đến cách hiểu đây là địa điểm thực tế, không phù hợp với hoạt động giao dịch điện tử (trên môi trường mạng, tại bất cứ đâu), đề nghị làm rõ đây là địa điểm được quy ước (không phải là địa điểm thực tế).

- Khoản 2 Điều 24 dự thảo Luật quy định: “*Trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc cho phép chuyển đổi hình thức văn bản giấy sang chứng thư điện tử... bản gốc của văn bản giấy sẽ không còn hiệu lực hoặc không còn giá trị pháp lý.*”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc nội dung quy định này bởi bản gốc của văn bản giấy trong nhiều trường hợp vẫn cần thiết để đối chiếu.

- Về điều kiện kinh doanh dịch vụ tin cậy (Điều 26 dự thảo Luật):

+ Về dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu: Dự thảo Luật quy định bản chất hợp đồng điện tử là một hình thức thể hiện của thông điệp dữ liệu. Do vậy,

dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu sẽ bao trùm dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử (hiện do Bộ Công Thương cấp phép). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nội dung về thẩm quyền cấp phép dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu, dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử để bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn.

+ Khoản 5 quy định giao Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cấp phép dịch vụ tin cậy; xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc đối với dịch vụ tin cậy. Khoản 4 quy định giao Chính phủ quy định chi tiết về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ tin cậy. Nội dung các quy định nêu trên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với thẩm quyền quy định điều kiện đầu tư kinh doanh tại khoản 3 Điều 7 của Luật Đầu tư 2020 (quy định trong văn bản quy phạm pháp luật từ Nghị định trở lên; Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác không được ban hành quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh), có điểm chưa phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, trong đó có Ban Cơ yếu Chính phủ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý cho phù hợp.

- Khoản 6 Điều 29 và điểm c khoản 3 Điều 37 dự thảo Luật quy định chuyển tiếp đối với “*Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ tổ chức này đã được thành lập, hoạt động trên thực tế chưa để bảo đảm nội dung chuyển tiếp là chính xác.

- Để bao quát toàn bộ hoạt động cung cấp, quản lý, giám sát dịch vụ chứng thực chữ ký chuyên dùng Chính phủ phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chuyển Điều 34 dự thảo Luật lên mục 1 và đổi tên thành “*Chứng thực điện tử trong cơ quan nhà nước*” và bổ sung quy định về dịch vụ cấp dấu thời gian và chứng thực thông điệp dữ liệu.

- Về giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử (chương IV): Đề nghị rà soát kỹ, bảo đảm phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự về giao kết và thực hiện hợp đồng và tính thống nhất của dự thảo Luật, cụ thể:

+ Khoản 2 Điều 38 dự thảo Luật đề nghị chỉnh lý để bảo đảm phù hợp với bản chất của hợp đồng là sự thỏa thuận, thống nhất ý chí giữa các chủ thể (cá nhân, pháp nhân) chứ không phải là giữa hệ thống thông tin với người hoặc giữa hệ thống thông tin với nhau;

+ Khoản 3 Điều 39 đề nghị chỉnh lý làm rõ các bên có quyền thỏa thuận về yêu cầu kỹ thuật, chứng thực, các điều kiện bảo đảm tính toàn vẹn, bảo mật... ngoài thỏa thuận về nội dung, hình thức của hợp đồng.

+ Khoản 1 Điều 40 dự thảo Luật đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ trường hợp sử dụng thông điệp dữ liệu để tiến hành một phần của quá trình giao

kết hợp đồng thì mối quan hệ giữa phần này và các phần khác như thế nào và thời điểm có hiệu lực của việc giao kết này.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý nội dung quy định tại khoản 5 Điều 32, khoản 4 Điều 53 dự thảo Luật theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung này (không phải là Bộ Thông tin và Truyền thông) bởi mức độ tin cậy của chữ ký điện tử, chữ ký điện tử của thiết bị, phương tiện tạo chữ ký điện tử, tài khoản giao dịch điện tử tham gia quyết định giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu.

- Điểm c khoản 3 Điều 44 dự thảo Luật giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt danh mục, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định rõ dưới hình thức văn bản gì? Nếu là văn bản quy phạm thì chỉ có Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành Thông tư, còn Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Khoản 2 Điều 46 dự thảo Luật quy định: “*Dữ liệu chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước là không thu phí, trừ trường hợp khai thác, sử dụng dữ liệu thuộc danh mục được quy định trong Luật phí và lệ phí*”. Điều 93 Luật Bảo hiểm xã hội quy định: “*Cơ quan bảo hiểm xã hội là cơ quan nhà nước*”, trong các quy định của Chính phủ xác định Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ thêm để bảo đảm cơ quan bảo hiểm xã hội cũng thuộc trường hợp không thu phí như các cơ quan nhà nước khác.

- Về phân loại hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử (Điều 50 dự thảo Luật), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ quy định này bởi vì nội dung dự thảo Luật hiện nay không còn nội dung phân loại hệ thống thông tin theo nền tảng số quản lý chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

- Điều 53 dự thảo Luật quy định mức độ tin cậy của tài khoản giao dịch điện tử chia làm 3 mức độ. Tuy nhiên, khi tranh chấp phát sinh thì thực tế Tòa án chỉ công nhận giá trị pháp lý đối với chữ ký cấp độ 3. Trong hoạt động ngân hàng, với những khoản vay nhỏ thì chỉ cần chữ ký cấp độ 1 hoặc cấp độ 2 là đã có thể thực hiện được, nếu tất cả đều sử dụng chữ ký cấp độ 3 thì sẽ gây tốn kém, không hiệu quả. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát nội dung này.

- Điểm đ khoản 1 Điều 54 dự thảo Luật quy định chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm kết nối, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo hoạt động với hệ thống giám sát của cơ quan nhà nước; Điều 55 dự thảo Luật quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc giám sát, trách nhiệm của Bộ Thông tin

và Truyền thông thiết lập, vận hành hệ thống giám sát trực tuyến.... Quy định này chưa rõ về cách thức kết nối, nội dung, phạm vi cung cấp thông tin, báo cáo, cơ quan nhà nước nào là cơ quan giám sát hay là Bộ Thông tin và Truyền thông... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ.

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào khoản 1 Điều 54 dự thảo Luật nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật về thương mại điện tử, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định pháp luật khác về kinh doanh, thương mại trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử trong lĩnh vực thương mại.

- Khoản 3 và khoản 4 Điều 54 dự thảo Luật quy định về trách nhiệm của chủ quản nền tảng số có lượng truy cập lớn nhưng không quy định rõ chủ thể nào có thẩm quyền xác nhận lượng người sử dụng hoặc lượng truy cập. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung.

- Điều 57 dự thảo Luật về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và cơ yếu.

- Khoản 1 Điều 58 dự thảo Luật quy định “*Thông điệp dữ liệu được phân loại và bảo đảm an toàn thông tin mạng dựa trên mức độ quan trọng*”. Tuy nhiên điểm a khoản 3 lại giao trách nhiệm cho Bộ Thông tin và Truyền thông “*Quy định chi tiết về phân loại...*”. Quy định như vậy không đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch, đề nghị quy định phân loại các mức độ quan trọng của thông điệp dữ liệu ngay trong dự thảo Luật.

Về trách nhiệm xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn thông điệp dữ liệu (điểm b khoản 3 Điều 58 dự thảo Luật), đề nghị quy định Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan để bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan.

- Về điều khoản chuyển tiếp, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát kỹ các trường hợp cần chuyển tiếp, tránh việc thiếu cơ sở pháp lý để thực hiện. Khoản 1 Điều 59 và khoản 2 Điều 60 dự thảo Luật quy định chưa bảo đảm thống nhất, cụ thể: khoản 1 Điều 59 dự thảo Luật vẫn còn những quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2005 được áp dụng nhưng khoản 2 Điều 60 tuyên bố Luật Giao dịch điện tử năm 2005 hết hiệu lực. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, bảo đảm thống nhất.

III. VỀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NUỚC CHXHCN VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Về cơ bản, nội dung dự thảo Luật không trái với các cam kết quốc tế mà

Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, nội dung rà soát tính tương thích của dự thảo Luật với các điều ước quốc tế nêu tại mục VI Tờ trình còn sơ sài, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung, làm rõ thêm.

IV. VỀ SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC LỒNG GHÉP VĂN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO LUẬT

1. Về sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính

1.1. Về đánh giá tác động thủ tục hành chính

Để đảm bảo chất lượng của Bản đánh giá thủ tục hành chính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa một số nội dung sau:

- Đề nghị bổ sung đánh giá tác động đối với 02 thủ tục hành chính sau:

- + Thủ tục công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài (Điều 35);

- + Thủ tục chuyển đổi giấy phép cho các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng thành giấy phép cung cấp dịch vụ tin cậy liên quan đến dịch vụ chữ ký điện tử cho hoạt động phát hành chứng thư chữ ký điện tử (điểm c khoản 3 Điều 37).

- Tại Bản đánh giá thủ tục hành chính đề nghị nêu rõ cơ quan chủ trì soạn thảo đã đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp của thủ tục hành chính, đánh giá tính hợp lý của một số bộ phận thủ tục hành chính được quy định tại dự thảo Luật. Việc đánh giá tính hợp lý của các bộ phận thủ tục hành chính còn lại và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sẽ được thực hiện khi xây dựng dự thảo Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ trưởng quy định chi tiết Luật này.

Tuy nhiên, tại dự thảo Luật (Chương III) chỉ quy định thủ tục cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chưa đề cập việc cấp lại, thay đổi, gia hạn, do đó đề nghị bổ sung quy định tại dự thảo để bảo đảm đầy đủ, thống nhất với Bản đánh giá thủ tục hành chính.

1.2. Về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

a) Về kinh doanh dịch vụ tin cậy trong giao dịch điện tử (Chương III)

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Luật Đầu tư thì Bộ, cơ quan ngang Bộ không được ban hành điều kiện đầu tư kinh doanh. Do đó, đề nghị sửa đổi khoản 5 Điều 26, khoản 6 Điều 35, điểm c khoản 3 Điều 37 dự thảo Luật theo hướng giao Chính phủ quy định chi tiết điều kiện kinh doanh, trình tự, thủ tục thay việc giao Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về vấn đề này.

- Các điều kiện kinh doanh quy định tại các Điều 29, 31, 37 dự thảo Luật còn khá chung chung, khó xác định. Đề nghị quy định rõ hoặc giao Chính phủ quy định chi tiết. Đối với điều kiện về “Có thuyết minh phương án báo cáo trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước về dịch vụ” quy định tại khoản 6 Điều 29, khoản 5 Điều 31 dự thảo Luật, đề nghị không quy định điều kiện này. Các nội dung liên quan đến chế độ báo cáo, phương thức, hệ thống báo cáo phục vụ công tác quản lý nhà nước phải do cơ quan nhà nước quy định cụ thể và thiết lập, doanh nghiệp chỉ cần thực hiện theo quy định, không có nghĩa vụ thuyết minh phương án báo cáo.

b) Về kinh doanh dịch vụ trung gian trong giao dịch điện tử, dịch vụ thông tin xếp hạng tín nhiệm số

Mục IV.2.6 Tờ trình (trang 10), việc đưa ra lý do không quy định 2 dịch vụ này trong dự án luật (để không phát sinh thủ tục hành chính) trong khi đã có trong đề nghị đã được thông qua là chưa phù hợp. Lý do để lý giải việc không quy định phải dựa trên sự cần thiết của quy định, cụ thể là nhà nước có cần quản lý hoạt động dịch vụ này không? cá nhân, tổ chức có nhu cầu kinh doanh không? Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc quy định kinh doanh 2 dịch vụ nêu trên để phù hợp với đề nghị đã được thông qua hoặc nếu không quy định thì cần giải trình rõ ràng, thuyết phục hơn.

c) Một số nội dung khác

- Điểm a khoản 3 Điều 15 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung thêm 02 trường hợp chứng thư điện tử có được từ việc số hóa văn bản giấy có giá trị như bản gốc:

(1) Trường hợp được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về chứng thực bản sao từ bản chính (theo Điều 10 Nghị định 45/2020/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và hiện nay hình thức này đang được thực hiện rộng rãi bởi chính cơ quan có thẩm quyền chứng thực);

(2) Trường hợp được chuyển đổi bởi cơ quan nhà nước khác (không phải cơ quan phát hành bản gốc hoặc đang quản lý số gốc văn bản giấy) trên cơ sở thông tin có thể tra cứu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã được chia sẻ, kết nối giữa các cơ quan nhà nước với nhau.

Việc bổ sung thêm các trường hợp này bảo đảm bao quát được hết các trường hợp, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, phù hợp với thực tiễn thực hiện việc số hóa hiện nay đồng thời bảo đảm tính pháp lý của bản điện tử được chuyển đổi.

- Đề nghị đưa khoản 1, khoản 2 Điều 37 ra khỏi Điều này để phù hợp giữa nội dung và tên Điều.

2. Về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới

Về cơ bản, nội dung dự thảo Luật không có tác động về giới. Tuy nhiên, tại Tờ trình Chính phủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo có nội dung đánh giá về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật. Trong trường hợp cần thiết thì xây dựng Báo cáo riêng về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật.

V. VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ BẢO ĐẢM THI HÀNH LUẬT

Tờ trình chưa nêu rõ các điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính cho việc thi hành Luật, chủ yếu mới đưa ra đánh giá về điều kiện liên quan đến ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; tuyên truyền, phổ biến Luật; đào tạo, nâng cao năng lực... Đề nghị bổ sung đánh giá điều kiện bảo đảm về tài chính, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy, điều kiện khác để tổ chức thi hành Luật, đặc biệt là nội dung quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu (Điều 46 dự thảo Luật).

VI. VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ NGÔN NGỮ, KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Về trình tự, thủ tục

Về cơ bản, việc xây dựng dự thảo Luật đã được cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Trên cơ sở đề nghị xây dựng Luật được Chính phủ thông qua, cơ quan chủ trì soạn thảo đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật; nghiên cứu, xây dựng dự án Luật; gửi hồ sơ dự án Luật để lấy ý kiến của các Bộ, ngành, Hiệp hội ngành nghề, tổ chức có liên quan; đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến rộng rãi cá nhân, tổ chức. Tiếp đó, cơ quan chủ trì soạn thảo đã giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, hiệp hội, địa phương và gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

2. Về hồ sơ dự án Luật

Hồ sơ dự án Luật gửi Bộ Tư pháp thẩm định cơ bản đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020). Tuy nhiên, để hoàn thiện hồ sơ Dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung một số nội dung sau đây:

- (i) Bổ sung Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 03/12/2021 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 11 năm 2021;
- (ii) Về Tờ trình Chính phủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý,

hoàn thiện theo hướng khái quát, súc tích hơn, lược bớt sự cần thiết, bỏ phần VIII (Thời gian trình Quốc hội) và IX (Những vấn đề xin ý kiến), làm sâu sắc thêm mục đích, quan điểm, đánh giá sự tương thích với các cam kết quốc tế; đồng thời bổ sung các điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính cho việc thi hành Luật.

(iii) Về Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính đề nghị chỉnh lý và hoàn thiện kỹ hơn theo đúng quy định và nội dung đã nêu tại Mục IV Báo cáo thẩm định này;

(iv) Bổ sung dự thảo các văn bản quy định chi tiết thi hành điều khoản được giao trong Luật.

3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát lại ngôn ngữ, hình thức, kỹ thuật trình bày văn bản cho phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước. Ví dụ:

- Khoản 1 Điều 39 trùng với khoản 1 Điều 5 dự thảo Luật;
- Không sử dụng các kí hiệu gạch đầu dòng tại Điều 37 dự thảo Luật; sắp xếp lại vị trí giữa điểm a với điểm b khoản 3 Điều 15, giữa điểm a với điểm b khoản 4 Điều 15 dự thảo Luật để bảo đảm tính logic;
- Ngôn ngữ cần diễn đạt phổ thông, dễ hiểu hơn (khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 38 dự thảo Luật...).

VII. KẾT LUẬN

Trên cơ sở hồ sơ gửi thẩm định, ý kiến của Hội đồng thẩm định, Bộ Tư pháp nhận thấy, hồ sơ dự án Luật Giao dịch điện tử đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu ý kiến được nêu tại Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Giao dịch điện tử, xin gửi Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ Văn

Noi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ VĐCXDPL (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTTH, Hà).

